

911

D.T. 110

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA23MN

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09 / 01 / 2024

Phòng thi: D.T. 110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114223001	Nguyễn Thị Tô	Quyên	17/09/2005	Nữ	8,8	3,0	5,9	001	<u>Duyet</u>	
2	114223002	Phan Hà	My	15/07/2005	Nữ	8,4	4,0	6,2	002	<u>Phan</u>	
3	114223003	Thạch Thị Hồng	Thắm	06/12/2005	Nữ	9,1	4,3	6,7	003	<u>Hong</u>	
4	114223004	Ô Thị Minh	Thư	06/07/2005	Nữ	8,6	3,3	6,0	004	<u>Thư</u>	
5	114223005	Trịnh Thị Ngọc	Hân	17/11/2005	Nữ	9,5	4,0	6,8	005	<u>Thul</u>	
6	114223006	Cao Thị Ngọc	Mai	31/12/2005	Nữ	9,0	5,0	7,0	006	<u>Mai</u>	
7	114223007	Võ Thị Xuân	Trang	24/09/2003	Nữ	9,5	5,0	7,3	007	<u>Quang</u>	
8	114223008	Sơn Thị Kim	Thu	01/01/2005	Nữ	9,5	4,3	6,9	008	<u>Thu</u>	
9	114223009	Đỗ Thị Thiên	Phúc	26/12/2005	Nữ	8,6	6,3	7,5	009	<u>Phuc</u>	
10	114223010	Nguyễn Ngọc Thủy	Đinh	01/12/2005	Nữ	9,5	4,5	7,0	010	<u>Thuy</u>	
11	114223011	Trần Thị Bảo	Nhi	26/06/2005	Nữ	8,5	5,8	7,2	011	<u>Nhi</u>	
12	114223012	Thạch Thị	Nga	21/06/2005	Nữ	8,0	5,0	6,5	012	<u>Thach</u>	
13	114223013	Trần Trương Ngọc	Hân	26/10/2005	Nữ	8,8	4,5	6,7	013	<u>Ng</u>	
14	114223014	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	05/09/2005	Nữ	9,0	4,3	6,7	014	<u>Nguyen</u>	
15	114223015	Võ Thị Hồng	Nhã	18/07/2004	Nữ	8,4	3,5	6,0	015	<u>Nhã</u>	
16	114223017	Phạm Mai	Trâm	30/10/2005	Nữ	9,1	4,0	6,6	016	<u>Tram</u>	
17	114223019	Thạch Ngọc	Châu	15/02/2005	Nữ	8,5	4,0	6,3	017	<u>Thach</u>	
18	114223020	Nguyễn Ngọc Yến	Phương	07/10/2005	Nữ	9,6	5,0	7,3	018	<u>Yen</u>	
19	114223021	Trần Bùi Như Huyền	Trân	25/05/2004	Nữ	9,8	3,8	6,8	019	<u>Tran</u>	
20	114223022	Trần Thị Ngọc	Thúy	18/02/2005	Nữ	8,0	5,0	6,5	020	<u>Thuy</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Thị Anh Duyên

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Thach

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA23MN

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114223024	Nguyễn Thị Kiều Tiên	19/01/2005	Nữ	9,8	5,0	7,4	001	<u>100</u>		
2	114223026	Nguyễn Thị Mộng Trúc	19/06/2005	Nữ	8,1	4,0	6,1	002	<u>100</u>		
3	114223027	Kiều Ngọc Hiền	14/04/2005	Nữ	8,8	3,3	6,1	003	<u>100</u>		
4	114223028	Nguyễn Thị Cẩm Tú	24/02/2005	Nữ	9,0	3,8	6,4	004	<u>100</u>		
5	114223029	Trần Gia Quyền	06/12/2005	Nữ	9,6	4,5	7,1	005	<u>100</u>		
6	114223030	Thạch Thị Oanh Thi	02/04/2005	Nữ	9,3	4,5	6,9	006	<u>100</u>		
7	114223031	Châu Thị Nhi	26/07/2005	Nữ	8,0	3,5	5,8	007	<u>100</u>		
8	114223032	Kiên Minh Anh	30/01/2005	Nữ	8,6	4,5	6,6	008	<u>100</u>		
9	114223033	Thạch Thị Hoa Ri	11/03/2005	Nữ	9,5	3,0	6,3	009	<u>100</u>		
10	114223034	Thạch Nguyễn Hân Nhi	11/02/2005	Nữ	8,5	1,8	5,2	010	<u>100</u>		
11	114223035	Hồ Thị Mỹ Huyền	17/07/2005	Nữ	8,9	4,0	6,5	011	<u>100</u>		
12	114223036	Nguyễn Thị Kiều Hương	26/12/2005	Nữ	9,0	4,0	6,5	012	<u>100</u>		
13	114223037	Nguyễn Bùi Khánh Băng	02/09/2005	Nữ	9,5	3,0	6,3	013	<u>100</u>		
14	114223038	Trần Như Ngọc	13/03/2005	Nữ	8,8	4,3	6,6	014	<u>100</u>		
15	114223039	Nguyễn Thị Huỳnh Như	03/01/2005	Nữ	8,8	3,5	6,2	015	<u>100</u>		
16	114223040	Trần Thị Kim Duyên	20/11/2005	Nữ	9,4	4,0	7,0	016	<u>100</u>		
17	114223041	Trần Thanh Nhi	05/10/2005	Nữ	9,0	3,3	6,2	017	<u>100</u>		
18	114223043	Phạm Thúy Vy	02/11/2005	Nữ	9,1	5,8	7,5	018	<u>100</u>		
19	114223044	Ngô Mỹ Tiên	13/07/2005	Nữ	8,0	3,8	5,9	019	<u>100</u>		
20	114223045	Huỳnh Thị Hồng Như	29/09/2005	Nữ	9,5	3,8	6,7	020	<u>100</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Quo D. Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA23MN

CBGD: Lê Thúy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: TN, KT, nghiêm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09/01/2024

Phòng thi: Đ71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114223046	Kiên Thị Ngọc	09/09/2005	Nữ	8,0	5,0	6,5	001	<u>Hùng</u>		
2	114223047	Thạch Thị	06/08/2005	Nữ	8,5	3,8	6,2	002	<u>phu</u>		
3	114223048	Kim Trần Phương	30/06/2005	Nữ	8,9	4,0	6,5	003	<u>Thao</u>		
4	114223049	Trương Quế	09/12/2005	Nữ	9,9	4,3	7,1	004	<u>Loan</u>		
5	114223050	Phạm Hồng	11/08/2005	Nữ	8,8	6,0	7,4	005	<u>Nguyen</u>		
6	114223051	Nguyễn Thị Cẩm	17/01/2005	Nữ	9,4	6,0	7,7	006	<u>Tu</u>		
7	114223052	Nguyễn Thị Cẩm	17/01/2005	Nữ	9,5	6,0	7,8	007	<u>Lu</u>		
8	114223053	Lê Phương	19/08/2005	Nữ	9,8	6,0	7,9	008	<u>Phu</u>		
9	114223054	Nguyễn Ngọc	17/07/2005	Nữ	8,1	6,8	7,5	009	<u>Phuoc</u>		
10	114223055	Dương Huỳnh Hoàng	16/11/2005	Nữ	9,1	5,8	7,5	010	<u>Em</u>		
11	114223056	Thạch Thị Thia	24/08/2005	Nữ	9,0	3,8	6,4	011	<u>Ri</u>		
12	114223057	Nguyễn Thị Yến	13/11/2005	Nữ	9,8	4,0	6,9	012	<u>Phuoc</u>		
13	114223058	Lâm Thị Ngọc	31/05/2005	Nữ	8,5	3,3	5,9	013	<u>Tran</u>		
14	114223059	Thạch Sơn Thị Trâm	04/12/2005	Nữ	9,4	4,3	6,9	014	<u>Anh</u>		
15	114223060	Nguyễn Thị Yến	28/04/2005	Nữ	9,5	3,3	6,4	015	<u>Nhu</u>		
16	114223061	Trần Như	28/10/2005	Nữ	10,0	6,5	8,3	016	<u>Thao</u>		
17	114223062	Dương Thị Mỹ	27/10/2005	Nữ	10,0	4,3	7,2	017	<u>Tran</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Ngọc

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Ngọc

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

9/1
DT1-113

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA23NN

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: Giáo trình

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09 / 01 / 2024

Phòng thi: DT1-113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114723001	Nguyễn Trung Chánh	17/04/2005	Nam	8,0	4,3	6,2	001	<u>Thy</u>		
2	114723002	Nguyễn Nhật Đăng	04/10/2005	Nam	8,0	4,0	6,0	002	<u>DT</u>		
3	114723003	Sơn Thị Giàu	05/01/2005	Nữ	7,0	4,3	5,7	003	<u>GT</u>		
4	114723004	Lê Võ Gia Hạo	04/02/2005	Nam	7,0	4,8	5,9	004	<u>Ch</u>		
5	114723005	Nguyễn Đăng Khoa	30/04/2005	Nam	7,0	4,8	5,9	005	<u>DT</u>		
6	114723006	Trần Ngọc Tuyết Vân	30/11/2005	Nữ	8,0	5,0	6,5	006	<u>DT</u>		
7	114723007	Phạm Lê Thảo Vy	23/05/2005	Nữ	7,5	4,0	5,8	007	<u>Vy</u>		
8	114723008	Lê Hải Âu	01/06/2005	Nam	8,0	3,3	5,7	008	<u>DT</u>		
9	114723009	Trương Văn Cưng	02/03/2005	Nam	8,0	4,5	6,3	009	<u>DT</u>		
10	114723010	Nguyễn Minh Đăng	04/07/2005	Nam	7,0	3,0	5,0	010	<u>Đăng</u>		
11	114723013	Lê Đình Hường	12/11/2005	Nam	7,0	2,8	4,9	011	<u>Huong</u>		
12	114723015	Thạch Thị Trúc Linh	18/10/2005	Nữ	8,5	4,5	6,5	012	<u>Quê</u>		
13	114723016	Kha Ngọc Xuân Mai	04/01/2005	Nữ	8,0	5,3	6,7	013	<u>@juu</u>		
14	114723017	Sơn Thị Ngọc Mai	18/06/2005	Nữ	8,0	6,0	7,0	014	<u>Thao</u>		
15	114723018	Cao Thanh Ngân	27/09/2005	Nữ	8,0	5,5	6,8	015	<u>Thanh</u>		
16	114723019	Võ Thị Mộng Nghi	21/08/2005	Nữ	8,0	5,0	6,5	016	<u>Thy</u>		
17	114723021	Nguyễn Thanh Tân	14/10/2005	Nam	8,0	3,5	5,8	017	<u>DT</u>		
18	114723025	Nguyễn Văn Thảo	08/02/2004	Nam	7,0	3,5	5,3	018	<u>Thao</u>		
19	114723027	Bùi Thành Trung	30/12/2005	Nam	7,0	3,0	5,0	019	<u>Thy</u>		
20	114723028	Kiên Thị Chane Đa Ra	13/03/2005	Nữ	8,0	3,0	5,5	020	<u>Thy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20..

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Thy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Thy

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA23NN

CBGD: Lê Thúy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: KT

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114723029	Lâm Thiên Trúc	27/03/2003	Nữ							
2	114723030	Nguyễn Tiến Đạt	27/09/2005	Nam	7,0	2,5	4,8	011	<i>Đạt</i>		
3	114723031	Phan Quốc Kiện	02/06/2004	Nam							
4	114723032	Trần Minh Rìn	12/08/2005	Nam	7,0	3,5	5,3	012	<i>RV</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Luul Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: *Luul*

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

9/1
ĐTL 114

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (30 -)/DA23CNSH

CBGD: Lê Thúy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09 / 01 / 2024

Phòng thi: ĐTL 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	117723001	Son Thúy Bình	28/07/2005	Nữ	8,3	4,0	6,2	001	<u>Th</u>		
2	117723004	Cao Tuyết Nghi	21/01/2005	Nữ	8,3	5,5	6,9	002	<u>Thuy</u>		
3	117723005	Võ Thị Tuyết Nhung	15/11/2004	Nữ	8,3	4,5	6,4	003	<u>Thuy</u>		
4	117723006	Trần Xuân Phát	18/10/2005	Nam	8,3	5,0	6,7	004	<u>Phat</u>		
5	117723008	Nguyễn Thị Bích Trâm	11/12/2005	Nữ	8,3	5,5	6,9	005	<u>Tram</u>		
6	117723009	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	19/10/2005	Nữ	8,8	3,8	6,3	006	<u>Ngan</u>		
7	117723010	Tăng Hồng Sang	23/03/2005	Nữ	8,3	3,3	5,8	007	<u>Sang</u>		
8	117723011	Trần Thị Mỹ Duyên	11/10/2005	Nữ	8,3	4,5	6,4	008	<u>Duyen</u>		
9	117723012	Võ Nguyễn Ngọc Như	28/10/2005	Nữ	8,3	4,5	6,4	009	<u>Nhu</u>		
10	117723013	Võ Thị Yến Nhi	15/01/2005	Nữ	8,3	4,3	6,3	010	<u>Nhi</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10...

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thuy Cao Đình phụng lan

Cán bộ kiểm tra: Thuy
Nguyễn Thị Lành